

TIẾT 39, 40. BÀI 21. THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Ý 2: thay (các trung tâm, các vùng du lịch) bằng (các điểm du lịch, khu du lịch)

- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại ở Việt Nam.
- Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành du lịch, phân tích được sự phân hóa lãnh thổ du lịch (các điểm du lịch, khu du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững.
- Vẽ được biểu đồ và sử dụng bản đồ, số liệu để nhận xét, giải thích liên quan đến thương mại và du lịch.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
 - + Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
 - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
 - + Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.
 - + Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.
 - + Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:*
 - + Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.
 - + Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
 - + Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao.
 - + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.
 - + Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác.
 - + Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm.
 - + Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là thương mại quốc tế.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:*
 - + Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...
 - + Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập.
 - + Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập.
 - + Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm.
 - + Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.
 - + Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

- + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
- > Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta.
- + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta.
- *Tìm hiểu địa lí:*
- + Sử dụng các công cụ địa lí:
- > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, ...
- > Biết đọc và sử dụng bản đồ.
- > Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: Tổng giá trị xuất nhập khẩu, cán cân thương mại. Tính được doanh thu du lịch bình quân.
- > Vẽ, nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...
- + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:*
- + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta.
- + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển ngành thương mại và du lịch của nước ta.
- *Ứng dụng kỹ năng số:*

1.1NC1b. Tìm kiếm thông tin, hình ảnh, video về hoạt động thương mại điện tử, các trung tâm thương mại, khu du lịch nổi tiếng ở Việt Nam.

1.2NC1b. Sử dụng phần mềm bảng tính/biểu đồ (Excel, Google Sheets) để xử lý số liệu về xuất nhập khẩu, lượng khách du lịch.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Tự hào về những thành tựu trong sự phát triển ngành thương mại và du lịch của đất nước.
- *Nhân ái:*
- + Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.
- + Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân.
- *Chăm chỉ:*
- + Ham học: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- + Chăm làm: Tích cực và vận động người khác tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp.
- *Trung thực:* Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- *Trách nhiệm:*
- + Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.
- + Có trách nhiệm trong việc giữ gìn, phát huy các tài nguyên du lịch.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ổn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** Tạo sự hứng thú cho HS, từ đó dẫn dắt, giới thiệu vào nội dung bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời các câu hỏi trong trò chơi.

d) **Tổ chức thực hiện:**

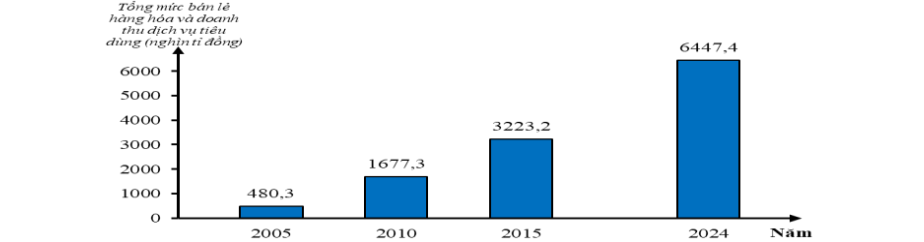
- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Trình chiếu và cho HS chơi “Ai nhanh hơn”, HS theo dõi và trả lời câu hỏi.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS theo dõi, có 10 giây suy ngẫm để trả lời câu hỏi.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

Mở đầu: Thương mại và du lịch là một trong những động lực tăng trưởng kinh tế ở nước ta, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới. Sự phát triển của hai ngành này có ảnh hưởng sâu rộng tới các ngành kinh tế khác và đời sống người dân. Thương mại và du lịch của nước ta đang phát triển và phân bố như thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

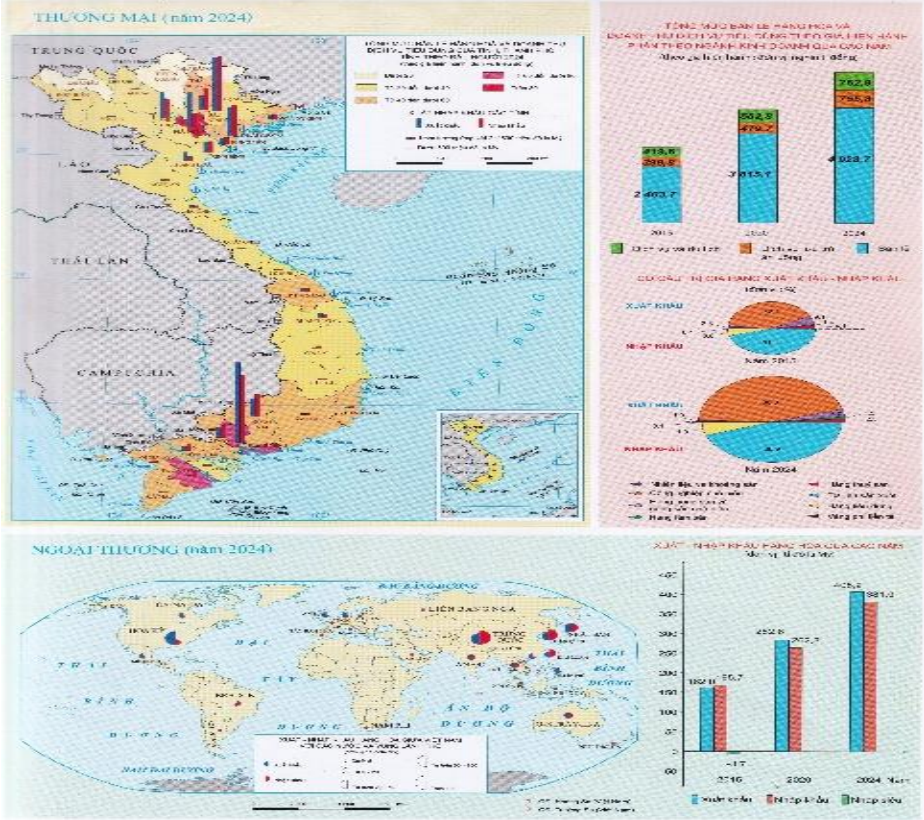
Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về thương mại

- a) **Mục tiêu:** HS trình bày được sự phát triển và phân bố ngành thương mại ở Việt Nam.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



Hình 21.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá thực tế của nước ta giai đoạn 2005-2024

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)



Bảng 21.1. TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2012	2015	2024
Trị giá				
Xuất khẩu	72,2	114,5	162,0	405,9
Nhập khẩu	84,8	113,7	165,7	381,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Nhóm	Hoạt động	Vai trò, Tình hình phát triển
1, 3	Nội thương	
2, 4	Ngoại thương	

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. THƯƠNG MẠI	
Hoạt động	Vai trò, tình hình phát triển
1. Nội thương	- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của nước ta tăng nhanh và liên tục. - Phát triển với đa dạng các loại hình: chợ truyền thống, chợ đầu mối, cửa hàng tiện ích, siêu thị, trung tâm thương mại,... - Hệ thống bán buôn, bán lẻ mở rộng và hiện đại hoá, các trung tâm thương mại có vốn đầu tư nước ngoài xuất hiện tại một số đô thị. - Phương thức buôn bán hiện đại được mở rộng. - Thương mại điện tử tăng trưởng nhanh. - Khác nhau giữa các vùng, khu vực.
2. Ngoại thương	- Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá tăng nhanh: đạt 786,9 tỉ USD (2024). - Nước ta xuất siêu 24,9 tỉ USD (2024). - Xuất khẩu: + Chiếm 51,6% tổng trị giá xuất nhập khẩu (năm 2024). + Mặt hàng xuất khẩu đa dạng, có sự chuyển dịch tích cực. + Thị trường xuất khẩu ngày càng mở rộng. Các thị trường lớn: Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU,... - Nhập khẩu: + Chiếm 48,4% tổng trị giá xuất nhập khẩu (2024). + Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị. + Thị trường nhập khẩu chủ yếu: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ,...

EM CÓ BIẾT?

Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất toàn cầu. Quy mô bán lẻ và thương mại điện tử cao thứ 3 trong ASEAN (sau In-đô-nê-xi-a và Thái Lan). Tốc độ tăng trưởng thương mại điện tử vào loại cao nhất thế giới và trong nhóm 3 quốc gia hàng đầu ASEAN (cùng với In-đô-nê-xi-a và Phi-líp-pin).

(Nguồn: Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 1945)

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

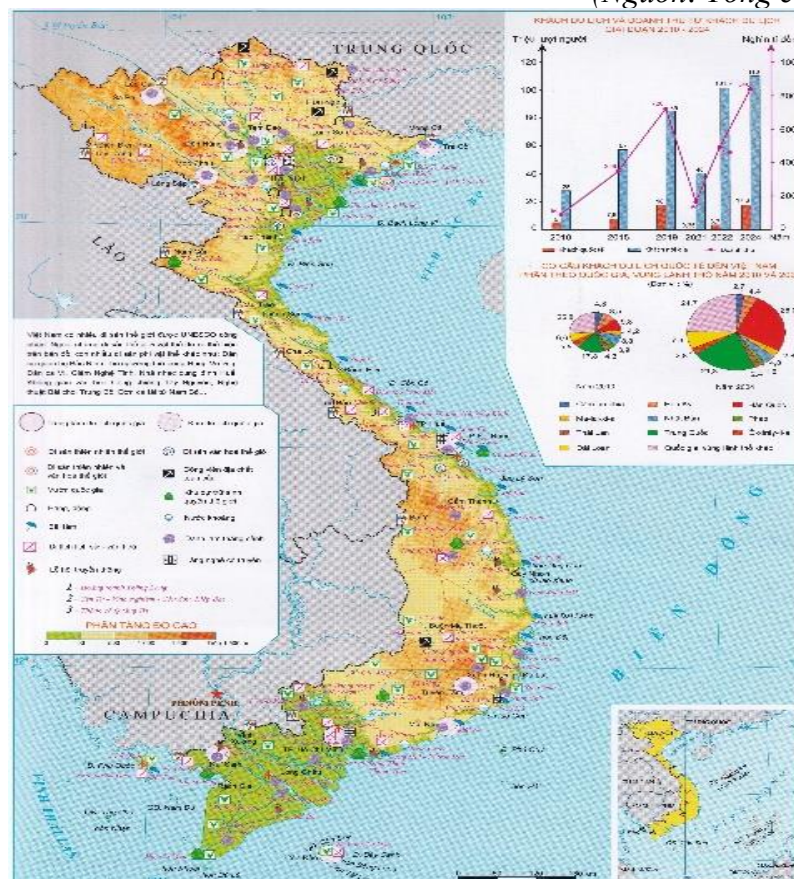
Hoạt động 2.2. Tìm hiểu sự phát triển ngành du lịch.

a) Mục tiêu: HS trình bày được sự phát triển và phân bố ngành du lịch ở Việt Nam.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

BẢNG 21.2. KHÁCH DU LỊCH VÀ DOANH THU TỪ KHÁCH DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

Năm	2010	2019	2022	2024
Khách du lịch (triệu lượt người)	33	103	105	127,7
- Trong nước	28	85	101,3	110
- Quốc tế	5	18	3,7	17,7
Doanh thu du lịch (nghìn tỉ đồng)	96	728	485	840



* **Câu hỏi:** trình bày sự phát triển và phân bố ngành du lịch ở nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. DU LỊCH

1. Sự phát triển ngành du lịch

- Là ngành kinh tế mũi nhọn.
- Doanh thu và số khách du lịch tăng nhanh trong giai đoạn 2000 - 2019. Sau khó khăn do dịch bệnh trên toàn cầu, từ năm 2022, doanh thu và số khách du lịch đang dần phục hồi.
- Loại hình du lịch nổi bật: du lịch biển đảo, du lịch văn hoá, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch đô thị và du lịch khám phá đang.
- Thị trường khách quốc tế của Việt Nam ngày càng mở rộng.
- Nước ta chú trọng phát triển du lịch bền vững.
- Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong du lịch, phát triển du lịch thông minh,...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

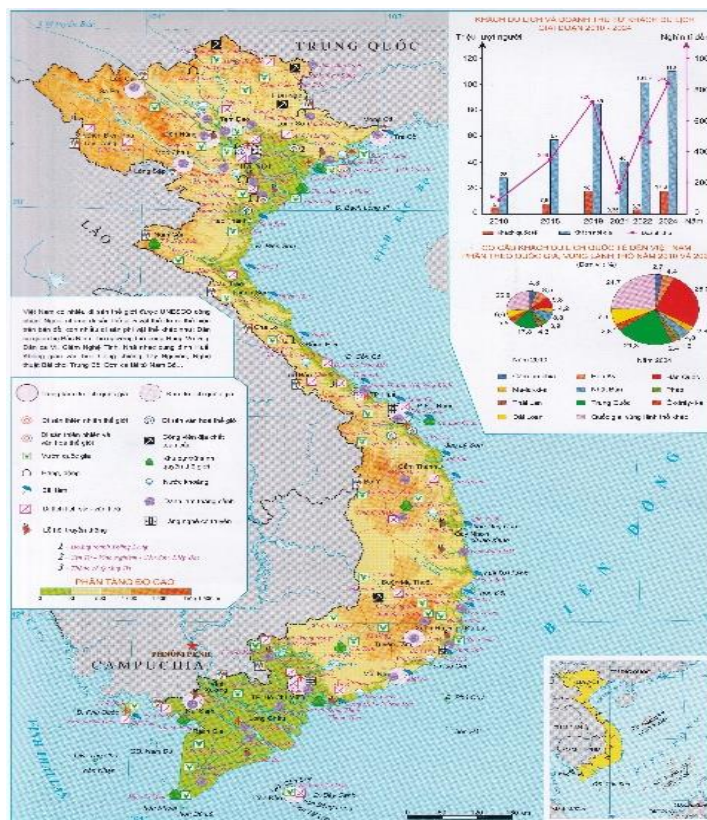
+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu sự phân hoá lãnh thổ du lịch

a) Mục tiêu: HS phân tích được sự phân hóa lãnh thổ du lịch (một số điểm du lịch, khu du lịch).

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, thông tin trên internet, làm việc nhóm để hoàn thành yêu cầu.



* **Nhóm 1, 3:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Điểm du lịch

Nội dung	Biểu hiện
- Khái niệm	
- Đặc điểm	
- Thực trạng phát triển	

* **Nhóm 2, 4:** Hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Khu du lịch

Nội dung	Biểu hiện
- Khái niệm	
- Phân loại và đặc điểm	- Cấp tỉnh: - Cấp quốc gia:
- Thực trạng phát triển	

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Sự phân hóa lãnh thổ du lịch

a) Điểm du lịch

Điểm du lịch

Nội dung	Biểu hiện
- Khái niệm	Là nơi có tài nguyên du lịch được đầu tư, khai thác phục vụ khách du lịch.
- Đặc điểm	- Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định; - Kết cấu hạ tầng, dịch vụ cần thiết bảo đảm phục vụ khách du lịch. - Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường.
- Thực trạng phát triển	- Nước khoảng 530 điểm du lịch, riêng vùng ven biển có 323 điểm du lịch (chiếm 61,5% số điểm du lịch cả nước). - Nhiều điểm du lịch nổi tiếng thế giới: vịnh Hạ Long, đảo Cát Bà, Phong Nha - Kẻ Bàng, vịnh Xuân Đài...

b) Khu du lịch

Khu du lịch

Nội dung	Biểu hiện
----------	-----------

- Khái niệm	Là khu vực có ưu thế về tài nguyên du lịch, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Khu du lịch bao gồm khu du lịch cấp tỉnh và khu du lịch quốc gia.
- Phân loại và đặc điểm	- Cấp tỉnh: + Có tài nguyên du lịch với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định; + Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch; + Kết nối với hệ thống hạ tầng giao thông, viễn thông quốc gia; Đáp ứng điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường. - Cấp quốc gia: + Có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định; + Có trong danh mục các khu vực tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; + Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ chất lượng cao, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu lưu trú, ăn uống và các nhu cầu khác của khách du lịch.
- Thực trạng phát triển	- Tính đến năm 2023: + Quy hoạch xây dựng 70 khu du lịch quốc gia. + Có 9 khu du lịch đã được công nhận là: Sa Pa (Lào Cai), Đền Hùng (Phú Thọ), Trà Cổ (Quảng Ninh), Tam Đảo (Phú Thọ), Mũi Né (Lâm Đồng), Tuyền Lâm (Lâm Đồng), Núi Sam (An Giang), Mộc Châu (Sơn La) và Côn Đảo (TP HCM). + 61 khu du lịch quốc gia đang được xây dựng.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4. Tìm hiểu du lịch với sự phát triển bền vững

a) Mục tiêu: HS phân tích được du lịch với sự phát triển bền vững.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo cặp để hoàn thành yêu cầu.

* **Câu hỏi:** Phân tích hướng phát triển du lịch gắn với phát triển bền vững ở nước ta.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

3. Du lịch với sự phát triển bền vững

- Du lịch tác động tổng hợp đến kinh tế, xã hội, môi trường:
- + Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.
- + Phát huy lợi thế của địa phương và tăng cường liên kết vùng.
- + Làm tăng giá trị di sản văn hóa dân tộc, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.
- + Nâng cao chất lượng lao động, đảm bảo an sinh và giải quyết các vấn đề xã hội.
- + Góp phần gìn giữ và sử dụng hiệu quả tài nguyên sinh thái, di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học.
- Phát triển bền vững giúp du lịch phát triển hiệu quả, lâu dài.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 02 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau.

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và hướng dẫn học sinh chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

*** Câu hỏi:**

1. Tóm tắt nội dung ngành ngoại thương theo các ý sau: trị giá, cán cân xuất khẩu, nhập khẩu, hoạt động xuất khẩu, hoạt động nhập khẩu.

2. Dựa vào bảng 21.1, vẽ biểu đồ thể hiện trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam giai đoạn 2010 - 2024. Nêu nhận xét.

Bảng 21.1. TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA NƯỚC TA
GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2012	2015	2024
Trị giá				
Xuất khẩu	72,2	114,5	162,0	405,9
Nhập khẩu	84,8	113,7	165,7	381,0

(Nguồn: Tổng cục Thống kê năm 2025)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

*** Gợi ý:**

1.

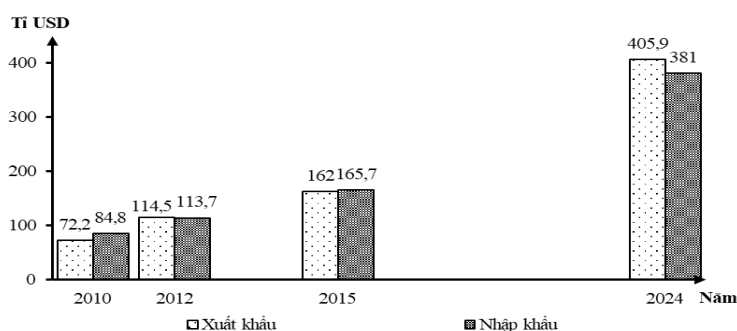
- Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa tăng nhanh, năm 2024 đạt 786,9 tỉ USD.

- Cán cân xuất nhập khẩu xu hướng cân bằng, năm 2024, trị giá xuất khẩu chiếm 51,6%, trị giá nhập khẩu chiếm 48,4% tổng trị giá xuất nhập khẩu.

- Hoạt động xuất khẩu: mặt hàng xuất khẩu đa dạng (nông sản, thủy sản, dệt may, da giày, đồ gỗ, hàng điện tử có vị trí cao). Tăng tỉ trọng nhóm hàng chế biến, giảm tỉ trọng nhóm hàng sơ chế, nguyên liệu thô. Ngày càng mở rộng thị trường xuất khẩu, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, đẩy mạnh khai thác các thị trường tiềm năng.

- Hoạt động nhập khẩu: chủ yếu nhập máy móc, thiết bị hiện đại (hàng điện tử, máy tính và linh kiện nhập nhiều). Thị trường nhập khẩu chủ yếu là các nước có trình độ khoa học - công nghệ tiên tiến.

2.



TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2024

Nhận xét: Trị giá xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2010 - 2024 tăng qua các năm. Cụ thể:

- Xuất khẩu tăng nhanh hơn nhập khẩu: d/c

- Nước ta chuyển từ nước nhập siêu sang nước xuất siêu: d/c

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, hướng dẫn chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

* **Câu hỏi:** Viết bài quảng bá sản phẩm du lịch đặc trưng tại vùng du lịch nơi em sống.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Gợi ý:

- Giới thiệu khái quát về địa phương: tên gọi, vị trí địa lí, những nét nổi bật về tự nhiên, kinh tế - xã hội.

- Sản phẩm du lịch:

+ Tên gọi...

+ Thế mạnh...

+ Hiệu quả...

+ Tác động tới sự phát triển kinh tế và đời sống..

+....

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: BÀI 22. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ

Duyệt của BGH

Duyệt của NTCM

Người soạn

.....
Trường THPT ĐỖ ĐẮNG TUYỀN
NGƯỜI DẠY: NGUYỄN THỊ LINH
LỚP DẠY: 12/8
THỜI GIAN: TUẦN 21

TIẾT 41. BÀI 22. THỰC HÀNH: TÌM HIỂU SỰ PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NGÀNH DỊCH VỤ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Tự lực: giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

+ Tự kiểm soát tình cảm, thái độ, hành vi của mình: tự tin, điều chỉnh được cảm xúc của mình, bình tĩnh trong việc thảo luận, hoàn thành nhiệm vụ học tập.

+ Tự định hướng nghề nghiệp: thấy được vị trí, giá trị của bản thân trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhóm/lớp.

+ Tự học, tự hoàn thiện: từ kết quả học tập trong bài học, xác định được nhiệm vụ học tập của bản thân; biết xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập.

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:**

+ Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cặp/nhóm.

+ Thiết lập, phát triển các quan hệ xã hội; điều chỉnh và hoá giải các mâu thuẫn: nhận biết và hiểu được suy nghĩ, thái độ của các bạn khi thảo luận hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Xác định mục đích và phương thức hợp tác: trình bày, đề xuất được suy nghĩ của bản thân và các bạn khác, lựa chọn được hình thức làm việc cặp/nhóm phù hợp với các nhiệm vụ được giao.

+ Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân: phân tích được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ của cặp/nhóm; sẵn sàng nhận các nhiệm vụ mà giáo viên và nhóm giao.

+ Tổ chức và thuyết phục người khác: Biết theo dõi tiến độ hoàn thành công việc của các thành viên và của cả nhóm; khiêm tốn tiếp thu ý kiến và nhiệt tình chia sẻ, hỗ trợ các bạn khác.

+ Đánh giá hoạt động hợp tác: Đánh giá được mức độ đạt được của nhóm; rút kinh nghiệm cho bản thân cũng như các thành viên khác trong nhóm.

+ Hội nhập quốc tế: Hiểu biết cơ bản về vấn đề hội nhập, nhất là thương mại quốc tế.

- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:**

+ Nhận ra ý tưởng mới: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, bản đồ...

+ Phát hiện và làm rõ vấn đề: Phân tích được tình huống trong học tập khi hoạt động cá nhân/cặp/nhóm và khi báo cáo, thảo luận về kết quả học tập.

+ Hình thành và triển khai ý tưởng mới: Nêu được ý kiến, ý tưởng mới; có giải pháp để nghiên cứu thực hiện ý tưởng mới một cách hiệu quả các nhiệm vụ học tập.

+ Đề xuất, lựa chọn giải pháp: Biết thu thập và làm rõ thông tin liên quan đến nội dung bài học; đề xuất và lựa chọn được các giải pháp học tập hiệu quả trong cặp/nhóm.

+ Thực hiện và đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề: Biết thực hiện và đánh giá các giải pháp thực hiện nhiệm vụ học tập; suy ngẫm về cách thức và tiến trình thực hiện các nhiệm vụ học tập được giao.

+ Tư duy độc lập: Biết đặt các câu hỏi thảo luận có giá trị; không dễ dàng chấp nhận các thông tin một chiều; không có thành kiến với người khác khi thảo luận, xem xét các vấn đề học tập.

*** Năng lực chuyên biệt:**

- **Nhận thức khoa học địa lí:**

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Sử dụng được bản đồ để xác định được sự phát triển các ngành dịch vụ của địa phương.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Biết và giải thích được sự phát triển các ngành dịch vụ của địa phương.

- **Tìm hiểu địa lí:**

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, ...

> Biết đọc và sử dụng bản đồ.

> Nhận xét và giải thích biểu đồ; sử dụng mô hình, tranh ảnh...

+ Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.

- **Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phát triển các ngành dịch vụ của địa phương.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phát triển các ngành dịch vụ của địa phương.

- **Ứng dụng năng lực kỹ năng số:** Tìm kiếm thông tin trên internet, bản đồ số; phân tích dữ liệu địa lý qua các ứng dụng số (Google Maps; Atlas điện tử; Video; Website; Canva; Power Point; Google Forms; Quiziz...) .

3. Phẩm chất:

- **Yêu nước:** Yêu nước thông qua việc nỗ lực học tập và rèn luyện, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của mình. Tự hào trước sự phát triển kinh tế - xã hội của quê hương, đất nước.

- **Nhân ái:**

+ Yêu quý mọi người: Có mối quan hệ hài hòa với người khác.

+ Tôn trọng sự khác biệt giữa mọi người: Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, văn hóa và suy nghĩ của các cá nhân.

- *Chăm chỉ:*

+ Ham học: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

+ Chăm làm: Tích cực và vận động người khác tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng. Có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong lao động. Có định hướng nghề nghiệp rõ ràng; Tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp.

- *Trung thực:* Trung thực trong thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu:** SGK, tranh ảnh, video.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. **Ôn định:**

2. **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình học.

3. **Hoạt động học tập:**

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) **Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) **Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

* **Câu hỏi:** Em hãy xác định nội dung cần chuẩn bị để thực hành.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

1. **Nội dung**

Tìm hiểu thực tế, viết báo cáo về sự phát triển một hoạt động dịch vụ độc đáo tại địa phương em. Có thể lựa chọn một trong hai nội dung sau:

- Hoạt động thương mại ở địa phương (chợ truyền thống hoặc trung tâm thương mại,...).
- Sản phẩm du lịch đặc sắc ở địa phương.

2. **Nguồn tư liệu**

- Sách giáo khoa Địa lí 12.
- Điều tra, khảo sát, tìm hiểu thực tế địa phương.
- Tài liệu giáo dục địa phương, trang web của các sở, ngành địa phương.
- Thông tin thu thập từ sách, báo, internet,...

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động. Thực hành

a) **Mục tiêu:** HS sưu tầm, hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu và trình bày được báo cáo về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, SGK, làm việc theo 4 nhóm để thực hiện các bước chuẩn bị và tìm hiểu gợi ý thông tin tham khảo theo hướng dẫn của GV để hoàn thành nội dung báo cáo.

c) **Sản phẩm:** Sản phẩm hoàn thiện của HS theo gợi ý.

3. **Gợi ý**

- Giới thiệu chung: tên, vị trí/phạm vi, ý nghĩa của sản phẩm dịch vụ.
- Điều kiện, tiềm năng phát triển.
- Tình hình phát triển.
- Hướng phát triển.

* **THAM KHẢO**

BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI Ở CHỢ ĐỒNG XUÂN (HÀ NỘI)

1. **Giới thiệu chung:**

- Tên: Chợ Đồng Xuân
- Vị trí:
+ **Nằm tại phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.**
- + Là khu chợ lớn nhất khu vực phố cổ Hà Nội, với diện tích 14.800 m² và hơn 2.000 hộ kinh doanh.
- Ý nghĩa:
+ Trung tâm thương mại sầm uất, là điểm đến mua sắm ưa thích của người dân Hà Nội và du khách.
- + Nơi lưu giữ và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của Hà Nội.
- + **Góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của phường Hoàn Kiếm và thành phố Hà Nội.**

2. Điều kiện, tiềm năng phát triển:

- Điều kiện:
+ Vị trí địa lý thuận lợi, nằm trong khu vực du lịch trọng điểm của thành phố Hà Nội.
- + Hệ thống giao thông thuận tiện.
- + Nền tảng văn hóa và lịch sử lâu đời.
- + Nguồn nhân lực dồi dào.
- Tiềm năng:
+ Nhu cầu mua sắm của người dân và du khách ngày càng tăng cao.
- + Chợ Đồng Xuân đã có thương hiệu uy tín trên thị trường.
- + Chính sách của Nhà nước khuyến khích phát triển du lịch và thương mại.

3. Tình hình phát triển:

- Chợ Đồng Xuân là một trong những khu chợ lâu đời nhất của Hà Nội, được xây dựng từ năm 1889.
- Chợ đã trải qua nhiều lần trùng tu, sửa chữa và hiện đại hóa.
- Hoạt động kinh doanh tại chợ Đồng Xuân diễn ra sôi động, đa dạng các mặt hàng.
- Chợ Đồng Xuân thu hút lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước.

4. Hướng phát triển:

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa chợ Đồng Xuân.
- Đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Phát triển du lịch mua sắm.
- Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống.

=> Chợ Đồng Xuân có tiềm năng phát triển rất lớn trong tương lai. Để phát triển hiệu quả, cần tập trung vào nâng cấp cơ sở hạ tầng, đa dạng hóa các mặt hàng kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển du lịch mua sắm và bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 05 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến việc đầu tư bổ sung cho ngành dịch vụ?

- A.** Trình độ phát triển kinh tế.
- B.** Quy mô và cơ cấu dân số.
- C.** Mức sống và thu nhập thực tế.
- D.** Phân bố và mạng lưới dân cư.

Câu 2. Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến phân bố mạng lưới ngành dịch vụ?

- A.** Sự phân bố các dân tộc.
- B.** Quy mô và cơ cấu dân số.
- C.** Mức sống và thu nhập thực tế.
- D.** Phân bố và mạng lưới dân cư.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây không đúng với vai trò ngành dịch vụ ở nước ta hiện nay?

- A.** Thúc đẩy quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

- B.** Tạo ra nhiều hàng hoá phục vụ nhu cầu trong nước.
- C.** Tạo ra nhiều việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D.** Chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu GDP của nước ta.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí vào các bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, Internet và vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi.

II. Đúng - sai

Câu 1. Cho thông tin sau:

Dịch vụ là ngành kinh tế quan trọng, phục vụ nhu cầu của sản xuất và đời sống con người, ở nước ta, dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế và phát triển ngày càng đa dạng.

- a)** Cơ cấu ngành dịch vụ ở nước ta ngày càng đa dạng. (Đúng)
- b)** Ngành dịch vụ góp phần giúp cho nước ta thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. (Đúng)
- c)** Tiến bộ trong công nghệ, đặc biệt là công nghệ số là nguyên nhân làm thay đổi cách thức hoạt động của các ngành dịch vụ. (Đúng)
- d)** Thành phố HCM và Hà Nội là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất chủ yếu do đây là hai thành phố đông dân nhất. (Sai)

III. Trả lời ngắn

Câu 1. Năm 2024, tổng GDP nước ta là 11511,9 nghìn tỉ đồng, trong đó GDP của dịch vụ chiếm 42,4%. Tính giá trị GDP của ngành dịch vụ năm 2024. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Đáp án: 4881

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm hiểu và thảo luận.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- **Chuẩn bị bài mới: BÀI 23. KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

Duyệt của BGH

Duyệt của NTCM

Người soạn